

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG YANG
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DS-ST

Ngày 17 tháng 8 năm 2022

“V/v Tranh chấp hợp
đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG YANG, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Nam Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Hải và bà Vũ Thị Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Yang tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đình Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2021, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.**

Địa chỉ trụ sở: 194 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn P – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Đak Đoa thuộc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ liên lạc: 232 Nguyễn Huệ, thị trấn Đak Đoa, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai.

(Có mặt)

- **Bị đơn: Bà Phạm Thị Bích Th** – Sinh năm: 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Làng Ch (làng Đê Ch), xã K, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

- **Người có nghĩa vụ liên quan: Ông Mai Xuân Ph** - Sinh năm: 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Làng Ch (làng Đê Ch), xã K, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2021, lời khai của đại diện nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và bà Phạm Thị Bích Th có ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2019/9764151/HĐTD ngày 03/4/2019, cho bà Th vay tiền mục đích bổ sung vốn chăn nuôi bò, cụ thể như sau:

- Số tiền vay ban đầu: 345.000.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng*)
- Ngày vay: 03/4/2019
- Ngày đến hạn: 03/3/2020
- Ngày chuyển nợ quá hạn: 13/4/2020
- Số tiền gốc đã trả đến thời điểm hiện tại: 0 đồng.
- Dư nợ gốc đến thời điểm hiện tại (tính đến ngày 17/8/2022): 345.000.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng*)
- Số tiền lãi đến thời điểm hiện tại (tính đến ngày 17/8/2022): 138.014.179 đồng (*Một trăm ba mươi tám triệu, không trăm mười bốn nghìn, một trăm bảy mươi chín đồng*)

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay, ông Mai Xuân Ph và bà Phạm Thị Bích Th đã ký Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/9764151/HĐBĐ ngày 18/5/2017 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai – Phòng giao dịch Phù Đồng. Tài sản thế chấp gồm: thửa đất số 3, tờ bản đồ số Trích đo – 03, địa chỉ tại: làng Groi, xã Kon Thup, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 670101 do UBND huyện Mang Yang cấp ngày 04/4/2017 (đứng tên ông Mai Xuân Ph, bà Phạm Thị Bích Th)

Từ khi giải ngân đến nay, bà Phạm Thị Bích Th và ông Mai Xuân Ph đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo như thỏa thuận đã cam kết mặc dù phía nguyên đơn đã làm việc nhiều lần đề yêu cầu trả nợ.

Vì vậy nay nguyên đơn yêu cầu bà Phạm Thị Bích Th cùng chồng là ông Mai Xuân Ph phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Gia Lai số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 17/8/2022 là **483.014.179 đồng** (*Bốn trăm tám mươi ba triệu, không trăm mười bốn nghìn, một trăm bảy mươi chín đồng*), trong đó gồm nợ gốc 345.000.000 đồng, lãi trong hạn 97.696.439 đồng, lãi quá hạn 40.317.740 đồng.

Trong trường hợp bà Phạm Thị Bích Th và ông Mai Xuân Ph không trả được nợ, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm mà ông Mai Xuân Ph và bà Phạm Thị Bích Th đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/9764151/HĐBĐ ngày 18/5/2017.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án: Do ông Mai Xuân Ph và bà Phạm Thị Bích Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông bà phải chịu án phí và đề nghị buộc bà Th, ông Phát phải trả lại cho Ngân hàng số tiền đã tạm ứng chi phí xem xét thẩm định là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Ý kiến của bị đơn bà Phạm Thị Bích Th và người có nghĩa vụ liên quan ông Mai Xuân Ph:

Đối với ông Mai Xuân Ph: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng ông Phát không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đối với bà Phạm Thị Bích Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Bà thừa nhận vợ chồng bà do thiếu tiền đầu tư tăng gia sản xuất nên có vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền gốc 345.000.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng*). Nhưng do làm ăn thua lỗ không trả được gốc lãi nên bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Ông bà đã mất khả năng trả nợ, xin ngân hàng cho thời hạn bán đất để trả, nếu không bán được đồng ý để Ngân hàng bán và thu nợ. Hiện chồng bà ông Mai Xuân Ph đi làm trong thành phố Hồ Chí Minh, bà đã thông báo cho ông biết nhưng ông không về được, cũng cùng ý kiến và yêu cầu như trên.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Yang phát biểu ý kiến như sau:

Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục diễn ra tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự. Đối với ông Mai Xuân Ph đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Phát. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ vì hợp đồng giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có nội dung và hình thức đúng quy định pháp luật. Bị đơn đã vi phạm hợp đồng tín dụng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chính đáng, cần được chấp nhận. Vì vậy cần buộc bà Phạm Thị Bích Th và ông Mai Xuân Ph là người có nghĩa vụ liên quan phải liên đới thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Nếu ông Mai Xuân Ph và bà Phạm Thị Bích Th không trả được nợ hoặc không trả đủ số nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Về án phí: buộc ông Mai Xuân Ph và bà Phạm Thị Bích Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: buộc ông Mai Xuân Ph và bà Phạm Thị Bích Th phải trả lại cho nguyên đơn chi phí xem xét thẩm định mà nguyên đơn đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) khởi kiện vợ chồng ông Mai Xuân Ph và bà Phạm Thị Bích Th, địa chỉ tại làng Chuk, xã Kon Thup, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai thanh toán số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng. Ông Ph và bà Th là cá nhân không có đăng ký kinh doanh, vì vậy đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người có nghĩa vụ liên quan ông Mai Xuân Ph đã được Tòa án tiến hành thủ tục triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt

không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Mai Xuân Ph theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về căn cứ khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn cung cấp các chứng cứ là: Hợp đồng tín dụng số 01/2019/9764151/HĐTD ngày 03/4/2019; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/9764151/HĐBĐ ngày 18/5/2017; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 670101 do UBND huyện Mang Yang cấp ngày 04/4/2017. Tòa án đã thực hiện công khai chứng cứ theo quy định. Hợp đồng tín dụng chỉ có bà Th ký nhưng khoản vay nhằm phục vụ nhu cầu gia đình nên là khoản nợ chung của vợ chồng ông Phát, bà Th. Ngân hàng yêu cầu ông Ph phải liên đới cùng bà Th trả nợ là có căn cứ. Xét hình thức và nội dung thỏa thuận của các hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Bị đơn và người có nghĩa vụ liên quan không có ý kiến phản đối nên có căn cứ xác định các hợp đồng này là có thật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/9764151/HĐTD ngày 03/4/2019: số tiền vay 345.000.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng*); mục đích vay bổ sung vốn chăn nuôi bò; ngày giải ngân 03/4/2019; ngày đáo hạn 03/03/2020; thời hạn vay 11 tháng; lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm được cố định trong suốt thời gian vay; lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, được quy định cụ thể trong hợp đồng.

[5] Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Mai Xuân Ph và bà Phạm Thị Bích Th đã nhận đủ tiền vay 345.000.000 đồng và đến hạn trả nợ gốc ngày 03/3/2020 ông bà không trả nợ, nên Ngân hàng đã chuyển khoản vay sang quá hạn là phù hợp. Ông Mai Xuân Ph và bà Phạm Thị Bích Th đã vi phạm hợp đồng, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông bà trả nợ gốc và lãi là có căn cứ.

[6] Lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam “Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng” và thời gian tính lãi theo đúng thỏa thuận. Như vậy, nguyên đơn yêu cầu ông Mai Xuân Ph và bà Phạm Thị Bích Th phải trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 17/8/2022 là **483.014.179 đồng** (*Bốn trăm tám mươi ba triệu, không trăm mười bốn nghìn, một trăm bảy mươi chín đồng*), trong đó gồm nợ gốc 345.000.000 đồng, lãi trong hạn 97.696.439 đồng, lãi quá hạn 40.317.740 đồng, là có căn cứ nên cần buộc ông Mai Xuân Ph và bà Phạm Thị Bích Th phải liên đới trả cho Ngân hàng các khoản nợ này.

[7] Việc tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Cụ thể, vì các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nên nếu ông Mai Xuân Ph, bà Phạm Thị Bích Th chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong ông Mai Xuân Ph, bà Phạm Thị Bích Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2019/9764151/HĐTD ngày 03/4/2019.

[8] Xét yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp giữa các bên đã kí kết: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/9764151/HĐBĐ ngày 18/5/2017 được ký kết giữa ông Mai Xuân Ph, bà Phạm Thị Bích Th và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Gia Lai – Phòng giao dịch Phù Đồng, là hợp pháp. Nội dung thỏa thuận phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự. Bên thế chấp dùng tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ gốc, lãi và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác. Theo quy định tại khoản 1 Điều 299 và khoản 6 Điều 320 của Bộ luật dân sự thì trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên thế chấp phải giao tài sản thế chấp để xử lý. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp của ông Mai Xuân Ph và bà Phạm Thị Bích Th trong trường hợp không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*). Nguyên đơn đã nộp đủ. Vì toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 157, Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông Mai Xuân Ph và bà Phạm Thị Bích Th phải trả lại cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

[11] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, ông Mai Xuân Ph và bà Phạm Thị Bích Th là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Cụ thể, ông Mai Xuân Ph và bà Phạm Thị Bích Th phải liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tổng số tiền phải trả cho Ngân hàng (483.014.179 đồng) là: **23.320.567 đồng** (*Hai mươi ba triệu, ba trăm hai mươi nghìn, năm trăm sáu mươi bảy đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 280, khoản 1 Điều 299, Điều 317, Điều 318, khoản 6 Điều 320, Điều 321, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam:

1. Buộc ông Mai Xuân Ph và bà Phạm Thị Bích Th phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (thông qua chi nhánh Ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Gia Lai) số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 17/8/2022 là **483.014.179 đồng (Bốn trăm tám mươi ba triệu, không trăm mười bốn nghìn, một trăm bảy mươi chín đồng).**

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (17/8/2022) cho đến khi thi hành án xong ông Mai Xuân Ph và bà Phạm Thị Bích Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2019/9764151/HĐTD ngày 03/4/2019.

2. Về quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo: Trong trường hợp ông Mai Xuân Ph và bà Phạm Thị Bích Th không trả được nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/9764151/HĐBĐ ngày 18/5/2017

Việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ được thực hiện theo quy định của pháp luật và nội dung hợp đồng mà các bên đã ký kết.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Mai Xuân Ph và bà Phạm Thị Bích Th phải liên đới trả lại cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là **6.000.000 đồng** (Sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Mai Xuân Ph và bà Phạm Thị Bích Th phải liên đới chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là **23.320.567 đồng** (Hai mươi ba triệu, ba trăm hai mươi nghìn, năm trăm sáu mươi bảy đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: **10.795.000 đồng** (Mười triệu, bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0010555 ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

5. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/8/2022), các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân

tỉnh Gia Lai xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Mang Yang;
- Chi cục THADS huyện Mang Yang (khi án có hiệu lực);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Nam Trung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

